

Bản án số: 05/2025/HS-PT
Ngày 10 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng và bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 371/2024/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G do có kháng cáo của bị hại Trần Văn Ú đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2024/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- **Bị cáo:**

1. **Trần Văn B**, sinh ngày 17/8/1980 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và sinh sống: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ tên Trương Thị Ú1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 02/8/2023, Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 6.500.000 đồng, về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. **Phan Văn G**, sinh ngày 01/01/1989 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú và sinh sống: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H1 và bà Trần Thị N; bị cáo có vợ: Trần Thị Cẩm H2 (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo B và bị cáo G: Ông Nguyễn Văn T - Luật sư Công ty TNHH Một thành viên L thuộc Đoàn luật sư tỉnh A (có mặt).

- **Bị hại có kháng cáo:** Ông Trần Văn Ú, sinh năm 1975; nơi cư trú: ấp H,

xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: ông Nguyễn Phước H3 – Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A. (Có mặt).

Trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11/01/2023, do có mâu thuẫn trong tranh chấp đất giữa anh ruột là Trần Văn Ú và em ruột là Trần Văn B nên khi thấy Phan Văn G (cháu của B, Ú) và Nguyễn Văn T1 đi ngang nhà của Ú thuộc ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang thì giữa Ú và G, T1 xảy ra cự cãi với nhau thì được B, Trần Thị N (mẹ Phan Văn G) can ngăn. Lo sợ có chuyện xảy ra nên B điện thoại cho Võ Văn B1 (anh rể B) đến giải hòa mâu thuẫn thì B1 đồng ý. Khi B1 đến khuyên Ú bỏ qua mâu thuẫn thì Ú không đồng ý, mà còn cầm vỏ chai thủy tinh nước ngọt ném trúng vào tay trái, tức giận B1 dùng miếng gỗ ném lại nhưng không trúng, do bị thương ở tay nên B1 được N và Trần Thị C đưa vào sân nhà. Lúc này, thấy B1 bị Ú ném vỏ chai thủy tinh nước ngọt bị thương, nên B và G chạy đến bên hông nhà nhặt gạch ống ném lại Ú nhưng không trúng, B và G tiếp tục chạy ra trước nhà của Ú dùng gạch ống ném vào nhà làm bể tủ kính, miếng kính văng trúng vào mặt Ú gây thương tích và làm hư hỏng tủ kính, bình thủy, bàn gạch men, màn hình ti vi, kính cửa nhà, chai nước ngọt, thì được C và N can ngăn; Ú được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện C, điều trị đến ngày 15/01/2023 thì xuất viện. Ngày 26/6/2024, B, G bị khởi tố để điều tra.

* Tại kết luận định giá tài sản số: 24/KL-HĐĐGTS ngày 18/5/2023 và số: 50/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, xác định:

- 01 (một) cái bình thủy loại 02 lít, trị giá 140.000 đồng; 01 (một) cái màn hình tivi Samsung 40 in, trị giá 4.000.000 đồng; Nước giải khát gồm: 04 chai sting, 03 chai 7up, 02 chai trà xanh, trị giá 90.000 đồng; 01 (một) cái tủ nhôm kích thước (80 x 40 x 60)cm, trị giá 1.200.000 đồng; 01 miếng gạch men kích thước (60 x 60)cm, trị giá 45.000 đồng. Tổng cộng: 5.475.000 đồng (năm triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Bộ cửa nhà bằng kim loại và kính bị hư hỏng qua khám nghiệm hiện trường gồm: 03 tấm kính loại lá hệ 07 ly (72 x 17)cm; 01 tấm kính loại lá hệ 07 ly (36 x 17)cm; cây nẹp kim loại bao kính; hộp sơn ½ kg; công thợ, trị giá 755.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản bị thiệt hại 6.230.000 đồng (sáu triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

* Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 316/23/KLTTCT-TTPY ngày 27/4/2023 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh A, kết luận thương tích Trần Văn Ú, như sau:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo má trái, hình chữ Y, kích thước (01 x 0.1)cm + (02 x 0.1)cm, sẹo lõm, màu hồng, bờ không sắc.

- Xảy xát mặt ngoài 1/3 trên cánh tay trái, để lại vết biến đổi sắc tố da, kích thước (0.6 x 0.3)cm.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Trần Văn Ú tại thời điểm giám định (*áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư*) là: 04% (Không bốn phần trăm).

2.2. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích do vật tày có cạnh gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2024/HS-ST ngày 28/9/2024, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 và khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điều 58, Điều 65, các điểm i, b, s, x khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Bị cáo Trần Văn B, 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B là 01 (một) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/9/2024).

Giao bị cáo Trần Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 và khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điều 58, Điều 38 điểm i, b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Xử phạt: Bị cáo Phan Văn G, 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Phan Văn G là 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G phải liên đới bồi thường cho bị hại Trần Văn Ú số tiền 14.357.037 đồng (*mười bốn triệu, ba trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm ba mươi bảy đồng*).

Ngoài ra, còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/10/2024 bị hại Trần Văn Ú có đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo B, bị cáo G và xử giam bị cáo B do trước đó đã đánh bị hại và bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính nhưng cấp sơ thẩm xử cho B hưởng án treo là quá nhẹ không tương xứng sự việc xảy ra; Yêu cầu các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại tổng số tiền 103.600.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại Ú có ý kiến: bị hại kháng cáo yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng thiệt hại sức khỏe và tài sản bị xâm phạm số tiền 103.600.000đ, nhưng nay tại phiên tòa bị hại đồng ý chỉ yêu cầu hai bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 30.000.000đ. Về trách nhiệm hình sự, vẫn yêu cầu xem xét tăng hình phạt đối với hai bị cáo và không đồng ý cho hai bị cáo hưởng án treo vì thời gian qua bị hại đi làm xa nhưng vợ bị hại nói lại bị cáo B vẫn thách thức sẽ giết bị hại.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, luật sư H3 có ý kiến: Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và hai bị cáo về việc hai bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền 30.000.000đ; Về trách nhiệm hình sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại vì bị cáo B đã bị xử phạt hành chính không đủ điều kiện được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo B và G - luật sư Tân có ý kiến: giai đoạn phúc thẩm hai bị cáo đã nộp thêm số tiền 20.000.000đ (mỗi bị cáo 10.000.000đ) để khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại; Tại phiên tòa, về trách nhiệm dân sự bị hại và hai bị cáo đồng ý thỏa thuận: buộc hai bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng số tiền 30.000.000đ, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Các bị cáo có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo G do không hiểu biết nên không kháng cáo nhưng nhận thấy cả hai bị cáo đều có đủ điều kiện được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại, xử phạt cả hai bị cáo B và G bằng mức án sơ thẩm đã tuyên và cho hai bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo B có ý kiến: thống nhất trình bày của người bào chữa, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình do không kiềm chế được cảm xúc khi thấy anh B1 bị thương nên đã cư xử không đúng; hiện bị cáo là lao động chính gia đình và chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ đã hơn 80 tuổi.

- Bị cáo G có ý kiến: thống nhất trình bày của người bào chữa, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi dưỡng cha mẹ và hiện vợ bị cáo (chưa đăng ký kết hôn) đang mang thai hơn 7 tháng cần sự chăm sóc của bị cáo. Vì thiếu hiểu biết nên bị cáo không có làm đơn kháng cáo nhưng bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện lo cho gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại về phần

trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị hại và các bị cáo về việc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại với tổng số tiền 30.000.000đ; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại Trần Văn Ú về trách nhiệm hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt:

+ Xử phạt bị cáo B 06 tháng tù về “Cố ý gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo và 06 tháng tù về “Cố ý làm hư hỏng tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B là 01 (một) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm.

+ Xử phạt: Bị cáo Phan Văn G, 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Phan Văn G là 01 (một) năm tù. Tuy nhiên, việc người bào chữa cho bị cáo và bị cáo G đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì đủ điều kiện thì do Hội đồng xét xử quyết định.

+ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị hại Trần Văn Ú làm trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 11/01/2023, do có mâu thuẫn trong tranh chấp đất giữa hai anh em ruột là Trần Văn Ú và Trần Văn B đã xảy ra sự việc: Trần Văn B và Phan Văn G (cháu ruột của Ú và B) đã có hành vi dùng gạch ống ném vào nhà của Ú làm vỡ 01 (một) cái bình thủy loại 02 lít, 01 (một) cái màn hình tivi Samsung 40 in, các chai nước giải khát gồm: 04 chai sting, 03 chai 7up, 02 chai trà xanh; 01 (một) cái tủ nhôm kích thước (80 x 40 x 60)cm và 01 miếng gạch men kích thước (60 x 60)cm; bộ cửa nhà bằng kim loại và miếng kính vỡ trúng vào mặt bị hại Trần Văn Ú gây thương tích với tổn thương cơ thể là 4% và làm hư hỏng tài sản nêu trên với tổng trị giá là 6.230.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 và về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt cho các bị cáo của bị hại Trần Văn Ú, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi, biết rõ việc cố ý làm hư hỏng tài sản và gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện. Trong vụ án này, chỉ vì mâu thuẫn trong cuộc sống, các bị cáo đã có hành vi gây thương tích cho bị hại Ú tỷ lệ 4% và hư hỏng tài sản của bị hại tổng trị giá 6.230.000 đồng. Điều này thể hiện bản tính hung hăng xem thường pháp luật khi trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nhận thấy, trước khi phạm tội các bị cáo B và G là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thuộc thành phần lao động nghèo, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đã thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả - sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nộp số tiền 10.000.000đ để khắc phục một phần hậu quả (bị cáo B nộp 5.000.000đ; bị cáo G nộp 5.000.000đ). Đây là vụ án có đồng phạm nhưng giản đơn, giữa hai bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo đều có vai trò ngang nhau. Đồng thời, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi. Cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt cho bị cáo B và bị cáo G mỗi bị cáo 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” là tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm cho rằng cha mẹ bị cáo B được tặng thưởng nhiều Huân chương kháng chiến để áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác, mà đây chỉ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, mặc dù cấp sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 14.357.037đ, nhưng các bị cáo đã nộp thêm số tiền 20.000.000đ (mỗi bị cáo nộp thêm 10.000.000đ) để khắc phục bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại tổng số tiền đã nộp là 30.000.000đ (mỗi bị cáo đã nộp 15.000.000đ) thể hiện sự ăn năn hối cải và bù đắp thiệt hại tài sản, sức khỏe cho bị hại do hành vi các bị cáo đã gây ra và được bị hại đồng ý. Đồng thời, căn cứ quy định về điều kiện cho người bị kết án hình phạt tù được hưởng án treo theo hướng dẫn Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày

15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cho thấy: cả hai bị cáo B và G đều có nơi cư trú rõ ràng; trong thời gian được tại ngoại các bị cáo chấp hành tốt pháp luật, không có hành vi vi phạm pháp luật; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; cả hai tội đưa ra xét xử thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, việc cấp sơ thẩm xử phạt hình phạt tù và cho bị cáo B được hưởng án treo là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Mặc dù bị cáo G không có đơn kháng cáo, nhưng tại phiên tòa bị cáo G trình bày do thiếu hiểu biết nên đã không làm đơn kháng cáo, nay bị cáo xin xem xét cho bị cáo được hưởng án treo do bị cáo là lao động chính trong gia đình, việc bị cáo đi chấp hành án, gia đình sẽ gặp khó khăn. Xét toàn diện bản án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bị cáo G không có tình tiết tăng nặng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ giống bị cáo B, là lao động chính trong gia đình, có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt chính sách pháp luật ở địa phương nên đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật, cần giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo G như cấp sơ thẩm đã tuyên, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Như vậy, yêu cầu kháng cáo của bị hại về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo B và G và không đồng ý cho bị cáo B hưởng án treo là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với kháng cáo của bị hại Trần Văn Ú về trách nhiệm dân sự:

Hành vi của các bị cáo đã gây thiệt hại tài sản và gây thương tích 4% cho bị hại Ú, nên việc cấp sơ thẩm xem xét đánh giá thiệt hại và các tài liệu chứng cứ do bị hại cung cấp để buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Ú với tổng số tiền 14.357.037đ là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật. Nay bị hại Ú kháng cáo yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng số tiền 103.600.000đ, nhưng tại phiên tòa giữa bị hại và các bị cáo đã thống nhất: các bị cáo B và G chỉ phải bồi thường cho bị hại Ú số tiền 30.000.000đ. Việc bị hại và các bị cáo thỏa thuận tại phiên tòa là tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận. Do đó, về trách nhiệm dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Ú với các bị cáo: Buộc bị cáo B và bị cáo G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản cho bị hại Ú với số tiền 30.000.000đ (mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 15.000.000đ).

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với các bị cáo B và G của bị hại Ú; chấp nhận yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Ú; Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C về phần hình phạt đối với bị cáo G, giữ nguyên hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo G hưởng án treo và phân trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Ú với các bị cáo B và G, buộc bị cáo B và bị cáo G phải liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe và tài sản bị xâm phạm cho bị hại Ú số tiền là 30.000.000đ.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng

ngợi.

[8] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định và bị hại Trần Văn Ú không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357, Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G của bị hại Trần Văn Ú; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bị hại Trần Văn Ú. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 76/2024/HS-ST ngày 28/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang về hình phạt đối với bị cáo Phan Văn G và phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 và khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điều 55, Điều 58, Điều 65, các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn B, 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, cho hưởng án treo và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, cho hưởng án treo. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trần Văn B là 01 (một) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/9/2024).

Giao bị cáo Trần Văn B cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134 và khoản 1 Điều 178; Điều 17, Điều 55, Điều 58, Điều 38 điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn G 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, cho hưởng án treo và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, cho hưởng án treo. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Phan Văn G là 01 (một) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 10/01/2025).

Giao bị cáo Phan Văn G cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 [Luật Thi hành án Hình sự](#) Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và 590 Bộ luật Dân sự.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại Trần Văn Ú với bị cáo Trần Văn B và bị cáo Phan Văn G: Buộc các bị cáo B và G phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tài sản với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho bị hại Ú. (mỗi bị cáo chịu trách nhiệm bồi thường 15.000.000đ).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) do bị cáo Trần Văn B và bị cáo Phan Văn G nộp (mỗi bị cáo đã nộp 5.000.000đ theo biên lai thu số 0002767 và số 0002768 cùng ngày 24 tháng 9 năm 2024; và nộp 10.000.000đ theo biên lai thu số 0003035 và số 0003036 cùng ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang), để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc các bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc các bị cáo Trần Văn B và Phan Văn G phải liên đới chịu 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị hại Trần Văn Ú không phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Công an huyện C;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Bị hại có kháng cáo;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Toà Hình sự; Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Minh Châu

-

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA